

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2019

*“Về việc yêu cầu ly hôn,  
Tranh chấp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Đ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình N- Phó Chủ tịch Hội nông dân huyện ĐP,
2. Bà Nguyễn Thị Như T- Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục huyện ĐP.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh N- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh G.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Từ Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn ĐP, huyện ĐP, tỉnh G. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Thân Văn Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn ĐP, huyện ĐP, tỉnh G. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, bản tự khai ngày 18/02/2019, biên bản hòa giải các ngày 07/5/2019, 07/6/2019, 12/7/2019 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Từ Thị H trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Thân Văn Đ qua thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện PM, tỉnh B vào ngày 28/8/1995. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong suy nghĩ và cách làm ăn sinh sống, anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, không giúp đỡ gì cho vợ con và hay dùng những lời lẽ xúc phạm, làm chị tổn thương tinh thần rất nhiều, chị đã cố gắng chịu đựng vì các con nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi, vì vậy, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Quá

trình giải quyết tại Tòa án nhiều lần, anh chị cũng đã có rất nhiều thời gian suy nghĩ lại để hàn gắn nhưng vợ chồng cũng không thể hòa hợp được với nhau. Đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nữa, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay, chị thấy có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mà còn làm ảnh hưởng tới sự phát triển lành mạnh của con nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Thân Văn Đ.

*Về con chung:* Chị và anh Thân Văn Đ có 02 con chung là YV, sinh ngày 26/5/2005 và TV, sinh ngày 08/4/2012. Khi ly hôn nguyện vọng của chị muốn nuôi cả hai con.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Hiện nay chị làm nghề nông với thu nhập bình quân ổn định là 7.000.000 đồng/tháng, có nhà ở và nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 26/02/2019, biên bản hòa giải các ngày 07/5/2019, 07/6/2019, 12/7/2019 và lời khai tại phiên tòa, bị đơn anh Thân Văn Đ trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tranh cãi và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn, anh lo làm ăn không đánh đập vợ con, anh vẫn còn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn nên mong muốn Tòa án xem xét để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau.

*Về con chung:* Anh và chị H có 02 con chung là YV, sinh ngày 26/5/2005 và TV, sinh ngày 08/4/2012. Anh không muốn ly hôn, nếu Tòa án xử ly hôn thì anh đồng ý để chị H nuôi cả hai con.

*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Từ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo với hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật; tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Thân Văn Đ có nơi cư trú tại huyện ĐP, tỉnh G. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Thị H và anh Thân Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện PM, tỉnh B vào ngày 28/8/1995. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh Đ hoàn toàn hợp pháp.

Theo chị H, trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, xúc phạm nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc; nguyên nhân là do anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, không giúp đỡ gì cho vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hợp tính nhau; mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không có kết quả, mâu thuẫn càng lúc càng trầm trọng không thể hàn gắn và không còn tình cảm gì với nhau.

Về phía anh Đ, anh thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không muốn ly hôn với chị H.

Xét mâu thuẫn của chị H và anh Đ thấy rằng: Trước đây, chị H đã 03 lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân huyện ĐP, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để các bên quay về đoàn tụ, anh Đ đã nhận lỗi và hứa sẽ sửa đổi bản thân để vợ chồng có thể hàn gắn, hòa hợp nên chị H đã xin rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ đó đến nay, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Đ, điều này chứng tỏ giữa chị H và anh Đ có tồn tại mâu thuẫn gay gắt khiến cho chị H nhiều lần phải làm đơn xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên các bên hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Chị H và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Đ.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là YV, sinh ngày 26/5/2005 và TV, sinh ngày 08/4/2012. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con và anh Đ đồng ý.

Xét chị H đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, làm nghề nông thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000 đồng, có nhà cửa, chỗ ở ổn định; đồng thời hiện nay 02 con Vi và Vũ đang sống chung với chị H, nguyện vọng của 02 con Vi và Vũ đều mong muốn được ở với mẹ để được mẹ chăm sóc các cháu tốt hơn; Hội đồng xét xử nhận thấy chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, việc giao cháu Vi và Vũ cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về tâm lý, sinh lý. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần giao con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành và tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị H và anh Đ đã được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải thích cho biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Từ Thị H về việc giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Từ Thị H được ly hôn với anh Thân Văn Đ trước pháp luật.

- *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là YV, sinh ngày 26/5/2005 và TV, sinh ngày 08/4/2012 cho chị Từ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Thân Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định về việc cấp dưỡng.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử buộc chị Từ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004384 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐP, tỉnh G. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (10/9/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện ĐP;
- Chi cục THADS huyện ĐP;
- UBND xã MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Đ**









